

B, ngày 07 tháng 6 năm 2021

Số: **824/2021/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1294/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: **Bà Lê Bích T, sinh năm 1985**

HKTT: Ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: 319, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh

- Bị đơn: **Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1984**

Địa chỉ: Ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 05 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 05 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Bích T và ông Lê Hoàng V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Bích T, sinh năm 1985 và ông Lê Hoàng V, sinh năm 1984 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà T và ông V giao con chung Lê Minh Quân H, sinh ngày 30/12/2007 và Lê Hoàng Lan A, sinh ngày 24/7/2009 cho ông Lê Hoàng V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà T cấp dưỡng cho cháu H, cháu Lan A mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu/tháng. Tổng cộng: Số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi cháu H, cháu Lan A tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản bà T thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các

bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, ông V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Bích T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành và 150.000đ án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001435 ngày 24/05/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự TP. B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Nhàn